

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 181/2018/DS-PT
Ngày 13 - 6 - 2018
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Kim Cửa

Các Thẩm phán: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng – Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 96/2018/TLPT-DS ngày 10 tháng 5 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2018/DS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 119/2018/QĐPT-DS ngày 14 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Dương Thị Minh H1, sinh năm 1959

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện M, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trương Văn T, sinh năm: 1978 là đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 26/4/2018)

Địa chỉ: ấp M, xã M, thành phố B, tỉnh B.

- Bị đơn: Nguyễn Thị H2 (tên thường gọi: L), sinh năm 1977

Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện M, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Huỳnh Văn B, sinh năm: 1964 là đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 06/3/2018)

Địa chỉ: XXY, khu phố X, phường P, thành phố B, tỉnh B.

- Người kháng cáo: bị đơn bà Nguyễn Thị H.

(ông T, ông B có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Dương Thị Minh H1 trình bày:

Ngày 09/12/2014, bà có cho chị Nguyễn Thị H2 vay số tiền 310.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, hai bên không có làm hợp đồng nhưng chị H2 có viết giấy biên nhận mượn tiền, không có thỏa thuận lãi suất. Thời hạn trả là 02 tháng, chị H2 là người trực tiếp nhận tiền.

Hết thời hạn theo thỏa thuận của hợp đồng bà nhiều lần yêu cầu chị H2 trả nợ gốc nhưng chị H2 không thực hiện. Nay bà khởi kiện yêu cầu chị H2 có nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ gốc là 310.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định là 0,75%/tháng tính từ ngày 09/12/2014 cho đến ngày tòa xét xử là 39 tháng 18 ngày với số tiền là 92.070.000 đồng.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H2 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời trình bày tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 13/11/2017 như sau: chị thống nhất với bà H1 về số tiền vay, thời hạn vay cũng như lãi suất. Chị thừa nhận “Giấy biên nhận mượn tiền đề ngày 09/12/2014” mà bà H1 cung cấp có chữ ký người nhận tiền “Nguyễn Thị H2” là do chị ký, nhưng nội dung tờ biên nhận này do ai viết chị không biết. Nay bà H1 yêu cầu chị trả số tiền vay là 310.000.000 đồng chị không đồng ý vì chị đã thanh toán xong số nợ trên cho bà H1 và chị cũng không đồng ý trả lãi.

Tại phiên tòa ông Huỳnh Văn B là người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị H2 trình bày: nội dung biên nhận mà chị H2 ký không phải do chị H2 viết và nội dung là bà H1 cho bà S và ông C mượn và chị H2 chỉ là người chứng kiến nên ông yêu cầu Tòa án hoãn phiên tòa để triệu tập bà S và ông C tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đưa vụ án ra xét xử với quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 465, Điều 466, khoản 2 Điều 468 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Minh H1. Buộc chị Nguyễn Thị H2 (Liều) có nghĩa vụ trả cho bà Dương Thị Minh H1 số tiền nợ vay còn thiếu là 402.070.000 (bốn trăm lẻ hai triệu, không trăm bảy mươi nghìn đồng). Trong đó, nợ gốc là 310.000.000 đồng (ba trăm mười triệu đồng), tiền lãi là 92.070.000 (chín mươi hai triệu, không trăm bảy mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho

người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06 tháng 4 năm 2018, chị Nguyễn Thị H2 kháng cáo.

Theo đơn kháng cáo bị đơn chị Nguyễn Thị H2 và tại phiên tòa dân sự phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: chị H2 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, chị cho rằng đã thanh toán xong số nợ cho bà H1. Bà H1 đã ghi vào sổ của chị các lần mà bà H1 nhận tiền của chị. Tổng cộng các lần bà H1 nhận tiền từ chỗ chị là 1.510.000.000 đồng (một tỷ, năm trăm mười triệu đồng). Do đó, bà Hoàng nợ chị chứ chị không có nợ bà H1. Chị H2 yêu cầu Tòa phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Minh H1.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Dương Thị Minh H1 không đồng ý kháng cáo của bị đơn, đề nghị Tòa phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: bản án sơ thẩm đã xem xét toàn bộ chứng cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận. Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H1 và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre. Hội đồng xét xử nhận định,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà Dương Thị Minh H1 khởi kiện yêu cầu bị đơn chị Nguyễn Thị H2 có nghĩa vụ trả số tiền vay gốc là 310.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tính từ ngày 09/12/2014 đến ngày Tòa giải quyết xong vụ án. Tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là “giấy biên nhận mượn tiền đề ngày 09/12/2014”. Bị đơn chị Nguyễn Thị H2 cũng thừa nhận chị có vay của bà H1 số tiền 310.000.000 đồng nhưng chị cho rằng đã thanh toán số tiền này cho bà H1 nên chị không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà H1 về số tiền nợ gốc 310.000.000 đồng, cũng như tiền lãi tính trên số tiền trên. Ngoài ra, chị H2 cho rằng bà H1 có nhận tiền chỗ bà số tiền là 1.510.000.000 đồng, các lần bà H1 nhận tiền bà đều ghi sổ, do đó bà H1 nợ tiền chị chứ chị không có nợ bà H1.

[2] Chị H2 thừa nhận “giấy biên nhận mượn tiền đề ngày 09/12/2014” mà bà H1 cung cấp có chữ ký người nhận tiền “Nguyễn Thị H2” là do chị ký. Hội đồng xét xử xét thấy chị H2 thừa nhận chữ ký trong biên nhận là của bà nên đây được xem là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị H2 cho rằng nội dung tờ biên nhận do ai viết chị không biết nhưng thấy rằng chị H2 là người có đủ năng lực hành vi dân sự, chị H2 cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào thể hiện bị ép buộc, đe dọa, lừa dối, nhằm lẫn khi ký tên vào biên nhận này hay nội dung và mục đích của giao dịch dân sự vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức xã hội. Do đó, có cơ sở xác định giao dịch dân sự này là hợp pháp và các bên tham gia giao dịch phải tuân thủ theo nội dung đã thỏa thuận.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa cấp sơ thẩm đã ra Thông báo về việc giao nộp tài liệu, chứng cứ thể hiện chị H2 đã trả xong số nợ 310.000.000 đồng cho bà H1 nhưng hết thời hạn quy định trong thông báo, chị H2 không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Đồng thời, chị H2 cũng không có yêu cầu phản tố yêu cầu bà H1 trả số tiền 1.510.000.000 đồng nhằm để bù trừ nghĩa vụ. Vì vậy, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Minh H1 buộc bị đơn chị Nguyễn Thị H2 trả số tiền 310.000.000 đồng là phù hợp.

[4] Về lãi suất: bà Dương Thị Minh H1 yêu cầu chị Nguyễn Thị H2 trả số tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định là 0,75%/tháng tính từ ngày 09/12/2014 đến ngày Tòa giải quyết xong vụ án. Hội đồng xét xử thấy rằng giấy biên nhận mượn tiền giữa chị Nguyễn Thị H2 với bà Dương Thị Minh H1 không có thỏa thuận về lãi suất, trong giấy biên nhận chỉ có việc chị H2 cam kết sẽ hoàn vốn trong vòng 02 tháng. Vì vậy, sau 02 tháng kể từ ngày 09 tháng 12 năm 2014 khi chị H2 vi phạm giao kết đã thỏa thuận thì tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định là 0,75%/tháng tính từ ngày vi phạm giao kết, tức ngày 10 tháng 02 năm 2015 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (27 tháng 3 năm 2018) là 37 tháng 17 ngày với số tiền là 87.342.500 đồng. Tòa cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tính lãi từ ngày 09/12/2014 là chưa chính xác.

[5] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các chứng cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Minh H1 về việc buộc bà Nguyễn Thị H2 phải trả số tiền vốn là 310.000.000 đồng là phù hợp. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Minh H1 về việc buộc bà Nguyễn Thị H2 phải trả tiền lãi tính từ ngày 09/12/2014 là không phù hợp. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H2, sửa một phần bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Nguyễn Thị H2 phải chịu là 5% x 397.342.500 đồng = 19.867.125 đồng.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận một phần.

[8] Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị đơn bà Nguyễn Thị H2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H2.

Sửa một phần bản án sơ thẩm số: 20/2018/DS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng Điều 463, Điều 465, Điều 466, khoản 2 Điều 468 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Minh H1.

Buộc chị Nguyễn Thị H2 có nghĩa vụ trả cho bà Dương Thị Minh H1 số tiền vay còn thiếu 397.342.500 đồng (ba trăm chín mươi bảy triệu, ba trăm bốn mươi hai nghìn, năm trăm đồng), trong đó nợ gốc là 310.000.000 đồng (ba trăm mười triệu đồng), tiền lãi là 87.342.500 đồng (tám mươi bảy triệu, ba trăm bốn mươi hai nghìn, năm trăm đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị H2 phải nộp số tiền là 19.867.125 đồng (mười chín triệu, tám trăm sáu mươi bảy nghìn, một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Hoàn trả cho bà Dương Thị Minh H1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.668.000 đồng (chín triệu, sáu trăm sáu mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu số 0011686 ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre hoàn trả cho chị Nguyễn Thị H2 số tiền tạm ứng án phí là

300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0016440 ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Mỏ Cày Nam
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Kim Cúa